

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST

Ngày: 24/11/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lư Quốc Thịnh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Hoàng Hồ**

2. Ông **Lê Hoàng Vũ**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Thị Thúy Kiều**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2020/TLST-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 27/2021/TB-TAH ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B**

Trụ sở chính: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower số 210 đường TQK, phường T, Quận H, Tp.H

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **S.** Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **D.** Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh Kiên Giang.

*Người đại diện tham gia tố tụng:* Ông **H.** Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch U Minh Thượng. Theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2021 (*có mặt tại phiên tòa*)  
- Bị đơn: Chị **Lâm Thị T.**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện U, tỉnh KG. (*vắng mặt tại phiên tòa*)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, người đại diện theo ủy quyền H trình bày:*

*Hợp đồng tín dụng thứ nhất:* Ngày 14/6/2016 Ngân hàng TMCP B-Chi nhánh Kiên Giang (gọi tắt là Ngân hàng B) có ký hợp đồng tín dụng số 06/130616/04/870 với chị Lâm Thị T. Theo đó Ngân hàng B cho chị T vay số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng), dư nợ đến ngày 08/12/2020 là 11.000.000đ; phương thức cho vay từng lần; mục đích sử dụng vốn vay tiêu dùng; thời hạn vay là 60 tháng; ngày đến hạn 14/6/2021; lãi suất cho vay ban đầu là 12,5%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả hàng tháng, vào ngày 15. Gồm 60 kỳ trả nợ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 3.160.000đ, kỳ cuối trả 3.560.000đ. Kỳ đầu tiên trả vào ngày 15/7/2016; kỳ hạn trả lãi: Lãi trả hàng tháng, cùng kỳ với kỳ trả nợ gốc, theo dư nợ giảm dần. Tài sản đảm bảo tín chấp. Số nợ gốc tính đến ngày 08/12/2020 là 11.000.000đ. Số tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 08/12/2020 là 13.725.879đ.

Tổng số nợ gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn phải trả đến ngày 08/12/2020 là 24.725.879đ (Hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng). Tính đến ngày xét xử chị T còn nợ Ngân hàng B nợ gốc quá hạn là 11.000.000đ, lãi trong hạn 10.266.051đ, lãi quá hạn 1.881.479đ. Tổng số tiền nợ là 23.147.530đ (Hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi đồng).

*Hợp đồng tín dụng thứ hai:* Ngày 10/7/2017 Ngân hàng B có ký hợp đồng tín dụng số HD0407071704870 với chị Lâm Thị T. Theo đó Ngân hàng B cho chị T vay số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), dư nợ đến ngày 08/12/2020 là 31.520.000đ; phương thức cho vay từng lần; mục đích sử dụng vốn vay tiêu dùng; thời hạn vay là 60 tháng; ngày đến hạn 11/7/2022; lãi suất cho vay ban đầu là 12,5%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả hàng tháng, vào ngày 15. Gồm 60 kỳ trả nợ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 580.000đ, kỳ cuối trả 780.000đ. Kỳ đầu tiên trả vào ngày 15/8/2017; kỳ hạn trả lãi: Lãi trả hàng tháng, cùng kỳ với kỳ trả nợ gốc, theo dư nợ

giảm dần. Tài sản đảm bảo tín chấp. Số nợ gốc tính đến ngày 08/12/2020 là 31.520.000đ. Số tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 08/12/2020 là 15.019.268đ.

Tổng số nợ gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn phải trả đến ngày 08/12/2020 là 46.539.268đ (Bốn mươi sáu triệu năm trăm ba mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng). Tính đến ngày xét xử chị T còn nợ Ngân hàng B nợ gốc quá hạn là 31.520.000đ, lãi trong hạn 8.675.205đ, lãi quá hạn 9.480.284đ. Tổng số tiền nợ là 49.675.489đ (Bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng).

Khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Điều 4 và Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 06/130616/04/870 ngày 14/6/2016 và Hợp đồng tín dụng số D0407071704870 ngày 10/7/2017 đã ký với Ngân hàng B, đồng thời khách hàng không có thiện chí trả nợ vay tại Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng giải quyết buộc chị T phải trả toàn bộ khoản vay gốc, lãi và các chi phí phát sinh cho Ngân hàng B của hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày 24/11/2021 là 72.823.019đ (Bảy mươi hai triệu tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười chín đồng). Trong đó nợ gốc quá hạn là 42.520.000đ, lãi trong hạn 18.941.256đ, lãi quá hạn 11.361.763đ. Đồng thời yêu cầu chị T tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng từ ngày 25/11/2021 cho đến khi trả hết nợ vay.

- *Đối với bị đơn chị Lâm Thị T:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị T để tham gia giải quyết vụ án nhưng chị T vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án mà chỉ lập các thủ tục đầy đủ để làm cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Ông H đại diện Ngân hàng Byêu cầu giải quyết buộc chị T trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 24/11/2021) là 72.823.019đ (Bảy mươi hai triệu tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười chín đồng). Trong đó nợ gốc quá hạn là 42.520.000đ, lãi trong hạn 18.941.256đ, lãi quá hạn 11.361.763đ. Đồng thời yêu cầu chị T tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng từ ngày 25/11/2021 theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng B cho đến khi thanh toán xong nợ.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B Buộc chị Lâm Thị T trả cho Ngân hàng Bsố tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/11/2021 là 72.823.019đ (Bảy mươi hai triệu tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười chín đồng). Trong đó nợ gốc quá hạn là 42.520.000đ, lãi trong hạn 18.941.256đ, lãi quá hạn 11.361.763đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/11/2021 theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng B cho đến khi thanh toán xong nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền xét xử: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn cư trú trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B đối với chị Lâm Thị T thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, giao dịch này được xác lập vào năm 2016 và năm 2017, đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 là phù hợp theo quy định điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn chị Lâm Thị T được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Lâm Thị T.

[4] Xét về nội dung vụ án: Chị Lâm Thị T có ký hai hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng B Cụ thể hợp đồng tín dụng số 06/130616/04/870 ký ngày 14/6/2016, vay số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng), dư nợ đến ngày 24/11/2021 là 11.000.000đ. Tính đến ngày 24/11/2021 chị Lâm Thị T còn nợ Ngân hàng B nợ gốc quá hạn là 11.000.000đ, lãi trong hạn 10.266.051đ, lãi quá hạn 1.881.479đ. Tổng số tiền nợ là 23.147.530đ (Hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi

bảy nghìn năm trăm ba mươi đồng); hợp đồng tín dụng số HD0407071704870 ký ngày 10/7/2017 vay số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), dư nợ đến ngày 24/11/2021 là 31.520.000đ. Tính đến ngày 24/11/2021 nợ gốc quá hạn là 31.520.000đ, lãi trong hạn 8.675.205đ, lãi quá hạn 9.480.284đ. Tổng số tiền nợ là 49.675.489đ (Bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Điều 4 và Điều 7 của hai hợp đồng tín dụng nêu trên.

Vì vậy Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu chị Lâm Thị T thanh toán số nợ gốc và lãi tính đến ngày 24/11/2021 của hai hợp đồng tín dụng số 06/130616/04/870 ký ngày 14/6/2016 và hợp đồng tín dụng số HD0407071704870 ký ngày 10/7/2017 là 72.823.019đ (Bảy mươi hai triệu tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười chín đồng). Trong đó nợ gốc quá hạn là 42.520.000đ, lãi trong hạn 18.941.256đ, lãi quá hạn 11.361.763đ và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng từ ngày 25/11/2021 cho đến khi trả hết nợ vay.

Tòa án đã nhiều lần thông báo và triệu tập chị T đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B

Ngày 02/7/2021, Tòa án xác minh nơi cư trú của chị T và được chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Trước đây chị Lâm Thị T có sinh sống tại ấp Công Sự, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, đến đầu năm 2019 chị T bỏ địa phương đi cho đến nay, không rõ địa chỉ. Hiện nay chị T vẫn còn hộ khẩu thường trú tại ấp Công Sự, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào hồ sơ vay vốn của chị Lâm Thị T do Ngân hàng cung cấp gồm: Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ ngày 06/6/2016 và ngày 05/7/2017, Hợp đồng tín dụng số 06/130616/04/870 ngày 14/6/2016 và hợp đồng tín dụng số HD0407071704870 ngày 10/7/2017, Thông báo cấp tín dụng ngày 14/6/2016 và ngày 06/7/2017, Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu của chị Lâm Thị T, Quyết định bổ nhiệm ngạch cán sự cho cán bộ số 2939-QĐ/BTC ngày 27/02/2015.

Hội đồng xét xử xác định chị Lâm Thị T có ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng B Chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như thỏa thuận, vi phạm

các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Tính đến nay Hợp đồng tín dụng số 06/130616/04/870 đã quá hạn trả nợ (ngày đến hạn trả nợ là ngày 14/6/2021). Đối với Hợp đồng tín dụng số HD0407071704870, ngày đến hạn trả nợ là ngày 11/7/2022, chưa đến thời hạn trả nợ nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng B yêu cầu chấm dứt hợp đồng với chị T và yêu cầu chị T thanh toán nợ gốc và nợ lãi. Vì vậy Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu chị Lâm Thị T thanh toán nợ của Hợp đồng tín dụng số 06/130616/04/870 ngày 14/6/2016 và hợp đồng tín dụng số HD0407071704870 ngày 10/7/2017 là có căn cứ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B Buộc chị Lâm Thị T trả cho Ngân hàng B nợ gốc và lãi tính đến ngày 24/11/2021 là 72.823.019đ (Bảy mươi hai triệu tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười chín đồng). Trong đó nợ gốc quá hạn là 42.520.000đ, lãi trong hạn 18.941.256đ, lãi quá hạn 11.361.763đ .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nên bị đơn chị Lâm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $72.823.019đ \times 5\% = 3.641.000đ$  (Ba triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.780.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000590 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với chị Lâm Thị T.

2. Buộc chị Lâm Thị T trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/11/2021 là 72.823.019đ (Bảy mươi hai triệu tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười chín đồng). Trong đó nợ gốc quá hạn là 42.520.000đ, lãi trong hạn 18.941.256đ, lãi quá hạn 11.361.763đ. Chị Lâm Thị T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho Ngân hàng B từ ngày 25/11/2021 cho đến khi trả hết nợ vay.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn đã ghi trong hợp đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lâm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là  $72.823.019đ \times 5\% = 3.641.000đ$  (Ba triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.780.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000590 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của nguyên đơn, báo cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/11/2021). Đối với bị đơn chị Lâm Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tổng đạt hợp lệ Bản án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- *TAND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện cùng cấp;*
- *THADS huyện cùng cấp;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lư Quốc Thịnh**